

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH CHIA SẺ TÀI NGUYÊN THÔNG TIN NỘI SINH TẠI THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRONG MÔI TRƯỜNG KỸ THUẬT SỐ

ThS Dương Thị Chính Lâm

Thư viện Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh

Phạm Bá Toàn

Thư viện Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

Tóm tắt: Liên kết-chia sẻ tài nguyên thông tin số là vấn đề đang được các thư viện quan tâm nhằm gia tăng nguồn lực của thư viện một cách hiệu quả. Đặc biệt là việc liên kết - chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin nội sinh số trong các thư viện đại học ở Việt Nam trở nên cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Bài nghiên cứu đã tìm hiểu một số mô hình liên kết-chia sẻ tài nguyên thông tin số tại một số nước trên thế giới và đưa ra mô hình gợi ý cho thư viện các trường đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: Liên kết-chia sẻ; tài nguyên thông tin nội sinh; hiệp hội thư viện; quản trị thông tin.

Proposing a model for sharing endogenous information resources at academic libraries in the digital era

Abstract: Networking-sharing digital resources has been concerned by libraries in order to effectively increase the library's resources. Especially, networking - sharing endogenous digital resources among academic libraries in Vietnam has become necessary in the current context. The study analysed a number of models for networking-sharing digital resources in some countries and recommended a model for Vietnam.

Keywords: Networking; sharing; institutional repositories; library associations; information management.

MỞ ĐẦU

“Inspire-Engage-Enable-Connect” (Truyền cảm hứng-Liên hợp-Khởi động-Kết nối) là những mục tiêu thuộc tầm nhìn chiến lược của Liên đoàn Quốc tế các Hiệp hội thư viện (International Federation of Library Associations- gọi tắt là IFLA), cũng là chủ đề chính trong cuộc họp lần thứ 87 với hơn 190 thư viện trên thế giới được tổ chức tại Dublin, Ireland [IFLA, 2019]. Điều đó cho thấy, việc kết nối và chia sẻ không còn là lựa chọn tại từng thư viện đại học, mà đã trở thành nhu cầu thiết yếu đối với sự phát triển của mỗi thư viện trong kỷ nguyên số. Cụ thể hơn, việc chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin đóng vai trò bước đệm để tạo ra những kết nối quan trọng cho những phát triển lớn hơn trong tương lai. Tại Việt Nam, công tác chia sẻ-kết nối được quan tâm tại các hội thảo khoa học, cho thấy được giá trị thiết yếu trong hoạt động thư viện. Cùng với sự phát triển của cộng đồng thư viện, các thư viện được tạo cơ hội cùng hợp tác và phát triển với nhau thông qua chia sẻ những nguồn thông tin, cùng với kinh nghiệm xây dựng của mình.

Tuy nhiên, những tổ chức hiện tại chỉ mới chạm tới vấn đề mang tính hình thức, hoặc

đơn thuần chỉ mang tính tổ chức, chưa hình thành được tính cộng đồng và tính tương tác giữa các thành viên lại với nhau. Một số thư viện lo ngại về việc kết nối - chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin, có thể phải đối mặt với những vấn đề về bản quyền, hoặc bị giới hạn bởi các chính sách sử dụng và tiếp cận từ cơ sở đào tạo. Ngoài ra, một số thư viện, cụ thể là thư viện đại học, đang phải đối mặt với các vấn đề về chi phí ngày càng lớn cho việc bổ sung và duy trì nguồn cơ sở dữ liệu (CSDL) trực tuyến, với lượt sử dụng không hiệu quả [Tripathi & Lal, 2016]. Đôi khi, những CSDL tài nguyên thông tin của một thư viện này lại phù hợp và cấp thiết đối với một thư viện khác. Hơn nữa, nhu cầu tin từ người dùng tin luôn đa dạng, và ngày càng phức tạp hơn không chỉ đơn giản là những nguồn tài nguyên thông tin hiện có tại cơ sở đào tạo [Atkinson, 2019].

Từ những vấn đề trên, bài viết sẽ không đi sâu vào hai loại liên kết hợp tác là Hội liên hiệp (Library Consortium) và Liên minh hợp tác (Joint-Use Libraries), mà hướng đến việc đề xuất một khung hành động cơ bản để giải quyết hai vấn đề: (1) Những điều kiện cơ bản nào thúc đẩy nhanh quá trình chia sẻ và kết nối tài nguyên thông tin nội

sinh giữa các thư viện trường đại học tại Việt Nam? (2) Khung mô hình nào hỗ trợ việc kết nối và chia sẻ tài nguyên thông tin nội sinh tại một số thư viện trường đại học tại Việt Nam?

1. GIÁ TRỊ CỦA TÀI NGUYÊN THÔNG TIN NỘI SINH VÀ MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC LIÊN KẾT-CHIA SẺ

1.1. Giá trị của tài nguyên thông tin nội sinh

Tài nguyên thông tin nội sinh là một nguồn tài nguyên tri thức có rất nhiều tính chất chuyên biệt về hình thức, cấu trúc, nội dung và đối tượng sáng tạo. Theo Myška & Šavelka [2013, tr.105], “tài nguyên thông tin nội sinh không mang đặc tính thương mại, và được hình thành thông qua những bài nghiên cứu, báo cáo, không bị kiểm soát bởi các nhà xuất bản và các hoạt động thương mại”.

Mỗi tài nguyên thông tin nội sinh là một nguồn tri thức riêng biệt, được kế thừa, thực chứng và có được bởi tri thức của từng cá nhân. Vì vậy, mỗi tài liệu nội sinh mang trong mình bản chất duy nhất, và chuyên biệt về ngành học, hàm lượng tri thức, cũng như mức độ cập nhật kiến thức và vốn tri thức được cập nhật qua từng năm [Osayande & Ukpebor, 2012]. Việc phổ biến rộng rãi nguồn tri thức này và liên kết các nơi sáng tạo - lưu giữ sẽ giúp phát triển và gia tăng nhận thức của cộng đồng trong thời đại chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ.

1.2. Mục đích của việc liên kết-chia sẻ tài nguyên thông tin nội sinh

Thư viện đại học đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nghiên cứu, giảng dạy và học tập tại các trường đại học. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dùng tin cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo của các trường đại học, thư viện cần nỗ lực thu thập và phát triển các nguồn tài nguyên thông tin đảm bảo độ tin cậy và có chất lượng nhằm phục vụ cho người dùng tin một cách hiệu quả. Những tài nguyên thông tin được xuất bản hoặc công bố rộng rãi dưới nhiều hình thức được các thư viện tiến hành thu thập để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dùng tin. Tuy nhiên, rất nhiều nguồn tài nguyên thông tin nội sinh có giá trị tại các trường đại học nhưng lại rất khó để tiếp cận nếu không phải đối tượng người dùng

tin của thư viện. Trong những năm gần đây, với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ thông tin, tài liệu nội sinh được các thư viện số hóa và tạo lập thành các CSDL tài nguyên điện tử, nguồn tài nguyên này trở thành nguồn thông tin phổ biến cho cộng đồng học thuật.

Việc liên kết - chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin số không chỉ giúp các thư viện gia tăng được nguồn tài nguyên thông tin, tiết kiệm được ngân sách, tiết kiệm nhân lực xử lý thông tin, tiết kiệm được không gian lưu trữ trên máy chủ, mà còn giúp đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của người dùng tin tại các đơn vị liên kết.

Lợi ích của việc liên kết - chia sẻ các nguồn tài nguyên thông tin số không chỉ nằm ở việc phát triển nguồn lực thông tin, mà sự hợp tác này còn mang lại nhiều giá trị khác như có thể tìm ra các giải pháp hữu hiệu cho các vấn đề chung. Bởi lẽ, trong quá trình vận hành hệ thống, sẽ nhận được nhiều ý kiến trao đổi, thảo luận từ nhiều góc độ và kinh nghiệm khác nhau từ đội ngũ những người làm thư viện. Điều này cũng mang lại cho họ những cảm hứng để làm việc và sáng tạo.

Quan trọng hơn cả, việc liên kết-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin nội sinh giúp các trường đại học tăng cường năng lực bảo đảm liêm chính học thuật. Thông qua việc sử dụng nền tảng công nghệ để cung cấp thông tin vượt qua các rào cản địa lý. Quảng bá các dịch vụ thư viện giúp người dùng tin biết rằng thư viện có tiềm năng hỗ trợ việc tạo ra các chiến lược nghiên cứu và tổ chức thông tin [Leitão, Helena et al. 2019]. Khi thông tin trên nền tảng số được liên kết và chia sẻ rộng rãi thì việc ứng dụng các công cụ chống đạo văn sẽ thuận tiện hơn.

2. NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ THÔNG TIN SỐ NỘI SINH TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.1. Về điều kiện để triển khai mô hình liên kết-chia sẻ

Để xây dựng một mô hình quản trị thông tin cho việc kết nối - chia sẻ, nhóm tác giả đã tìm hiểu và xác định một số điều kiện tác động đến sự thành công trong quá trình áp dụng. Qua một khảo sát bảng hỏi nhanh đối với một số trường tại Tp. Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu tập trung tìm hiểu về những điều

kiện, lợi ích và khó khăn trong việc triển khai mô hình kết nối-chia sẻ tại các trường đại học khối, ngành kinh tế tại Tp. Hồ Chí Minh. Sau đây là kết quả tổng hợp, đó là:

- *Nhu cầu sử dụng (User's-requests)* là một trong những yếu tố thiết yếu cho việc xây dựng chính sách kết nối - chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin. Cán bộ thư viện đều cho rằng mức độ sử dụng tài nguyên thông tin nội sinh so với các tài nguyên thông tin khác chiếm tỷ lệ khá cao, từ 50-70%. Đối tượng sử dụng nhiều nhất là sinh viên, tiếp đến là học viên cao học, lần lượt là 57.1% và 39.3%. Qua những số liệu, có thể thấy, nhu cầu sử dụng, khai thác tài nguyên thông tin nội sinh rất thiết yếu đối với quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Đồng thời, tài nguyên thông tin nội sinh còn là một nguồn tài nguyên mang tính đặc thù của từng thư viện đại học, cũng như được cập nhật thường xuyên qua các năm, nên tính cập nhật rất cao và chính xác.

- *Xây dựng chính sách phục vụ (License and Agreement)* được nhóm nghiên cứu liệt kê trong bảng hỏi, kết quả cho thấy, có 81.3% cán bộ thư viện đều đồng ý với chính sách (1) "*Chỉ được phép đọc online khi đăng nhập tài khoản*"; 12,5% thì đồng ý với ý kiến (2) "*Chỉ xem được thông tin thư mục toàn văn đọc bản giấy*"; và 6.3% đồng ý với chính sách (3) "*Chỉ xem được thông tin thư mục bản điện tử đọc tại máy của thư viện*". Qua đó, nhóm nghiên cứu có thể thấy vấn đề chính sách (1) nhận được sự đồng thuận cao nhất, bởi vì chính sách dễ dàng kiểm soát lượt truy cập từ người dùng bên ngoài, cũng như bảo mật và hạn chế vi phạm bản quyền nguồn tài nguyên thông tin nội sinh. Chính sách phục vụ là một trong những điều kiện chung, giúp hướng đến việc xây dựng một cộng đồng rộng lớn hơn. Qua các điều khoản của chính sách, các thành viên vừa được đảm bảo tính riêng tư, vừa được đảm bảo tính chia sẻ, tạo nên một nền tảng vững chắc cho phát triển trong tương lai.

- *Sự đồng thuận từ các lãnh đạo thư viện (Acceptance)* cũng là một trong những điều kiện tác động rất lớn đến việc xây dựng một cộng đồng chia sẻ thông tin khoa học. Những kế hoạch và định hướng phát triển chiến lược vừa là kim chỉ nam cho sự phát triển của thư viện, vừa góp phần tạo động

lực cho việc kết nối-chia sẻ, và hình thành một cộng đồng chung. Có 100% cán bộ thư viện đồng tình về vai trò tối quan trọng của lãnh đạo trong việc chấp thuận việc chia sẻ nguồn tài nguyên, cũng như nỗ lực giải thích cho các cấp lãnh đạo tại cơ sở đào tạo thay đổi quy định sử dụng. Đây là điều kiện "cửa ngõ" giúp hiện thực hóa những ý tưởng, mô hình và chính sách trong việc kết nối-chia sẻ tài nguyên thông tin nội sinh.

- *Đảm bảo chuẩn trao đổi dữ liệu (Catalog Standard)*, chính là điều kiện về cơ chế thống nhất của hệ thống quản trị thông tin trong việc kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin, mang đến hiệu quả trong quá trình hoạt động. Trong khi 42.9% cán bộ thư viện chỉ đồng tình với hạ tầng công nghệ, thì có đến 89,3% cán bộ lại đồng tình với điều kiện về "Chuẩn trao đổi dữ liệu". Điều đó cho thấy, chuẩn biên mục luôn là ưu tiên trong việc xây dựng một cộng đồng thư viện dùng chung. Lý do là vì đối với mỗi thư viện, sử dụng chuẩn biên mục sẽ xử lý tài liệu theo yêu cầu của cơ sở giáo dục hoặc nhu cầu kiểm định chất lượng. Cho nên, nếu muốn tạo lập một cộng đồng, cần thống nhất chuẩn trao đổi dữ liệu, làm nền tảng cho việc tạo lập và chia sẻ tài nguyên thông tin.

2.2. Những lợi ích từ việc liên kết-chia sẻ

Dựa theo hai quan điểm của Tripathi & Lal (2016) và Atkinson (2019), lợi ích mang lại từ việc hợp tác giữa các thư viện chính là chất lượng nhân sự, sự tiện lợi về tài nguyên thông tin, hạn chế những vi phạm về bản quyền, và về phát triển dịch vụ của mỗi thư viện. Qua đó, nhóm tác giả đưa ra một khảo sát nhanh, và thu lại một số kết quả về những lợi ích mang lại trong quá trình kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin, như sau:

- Có 100% cán bộ được khảo sát đồng ý "*gia tăng nguồn tài nguyên thông tin cho thư viện*" là lợi ích hàng đầu trong quá trình kết nối-chia sẻ các nguồn tài nguyên thông tin giữa các thư viện. Điều đó cho thấy, việc bị cắt giảm những nguồn ngân sách bổ sung tài nguyên thông tin gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc phục vụ hiệu quả cho người dùng tin. Các thư viện phải tìm các nguồn tài nguyên thông tin "giá rẻ", hoặc chấp nhận

việc thiếu hụt nguồn tài nguyên phù hợp [Tripathi & Lal, 2016].

- “*Nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện*” là một trong những lợi ích được lựa chọn nhiều, với 92.6% cán bộ thư viện đồng thuận. Trong quá trình kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin, cán bộ thư viện linh hoạt trong việc cải tiến phương thức tiếp cận người dùng tin, vì sự đa dạng về các thành phần người dùng tin từ nhiều cơ sở giáo dục bên ngoài [Atkinson, 2019]. Chính nguồn nhân sự chất lượng thông qua tiếp nhận đa dạng nhu cầu tin, tạo nên một chất lượng dịch vụ vừa đa dạng, vừa phù hợp với nhiều nhu cầu tin khác nhau. Từ đó, dịch vụ và nhân sự tại mỗi thư viện sẽ được nâng cao hơn về kỹ năng cũng như sự sáng tạo [Atkinson, 2019].

- Trong quá trình kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin, mỗi thư viện sẽ “*giảm bớt số người sử dụng thông tin*”. Có 89.3% cán bộ thư viện đồng ý với quan điểm trên, và thấy được giá trị tiềm năng của việc cộng tác giữa các thư viện. Người dùng tin sẽ không bị giới hạn “*về địa điểm, thời gian*” khi có nhu cầu sử dụng thư viện “*để học tập và tra cứu thông tin*” [Tripathi & Lal, 2016]. Sự kết nối giữa các thành viên luôn được giữ liên tục, cải thiện sự hài lòng đối với người dùng tin. Từ đó, số lượt sử dụng và tin dùng thư viện cũng gia tăng theo.

Còn rất nhiều lợi ích đã được đề cập trong bảng hỏi. Tuy nhiên, bài nghiên cứu chỉ tóm gọn ba lợi ích được đồng thuận cao nhất. Qua đó, giá trị của việc kết nối-chia sẻ đã được định hình trong tư duy của cán bộ thư viện, và hiểu rõ giá trị của hợp tác trên. Song, vì một số hạn chế, cho đến hiện tại việc kết nối-chia sẻ chỉ được “*bàn bạc, thảo luận*”, còn việc đưa đến một khung mô hình hành động thì chưa được thử nghiệm rộng rãi. Những hạn chế đó là gì?

2.3. Những khó khăn trong việc thực hiện liên kết-chia sẻ

Cũng dựa trên hai quan điểm của Tripathi & Lal (2016) và Atkinson (2019), nhóm tác giả cũng đưa ra những quan điểm về hạn chế của việc kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin. Chính các hạn chế, khó khăn đó là một trong những nguyên nhân cốt lõi cản trở việc thử nghiệm và triển khai mô hình kết nối-chia sẻ thử nghiệm đạt

được hiệu quả cao. Có thể kể đến một số khó khăn sau:

- “*Vấn đề bản quyền*”, đây là một trong những vấn đề trước hết được quan tâm khi đưa ra các ý tưởng về kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin. 100% cán bộ thư viện đồng ý về hạn chế này [Tripathi & Lal, 2016]. Bởi vì, trong quá trình hợp tác, các nguồn tài nguyên thông tin, đặc biệt tài nguyên thông tin nội sinh lại phụ thuộc vào chính sách sử dụng của cơ sở đào tạo. Cùng với đó, thư viện không có quyền quyết định nguồn tài nguyên thông tin có được chia sẻ hay không. Ngoài ra, trong luật sở hữu trí tuệ, không đưa ra bất kỳ quy định trong việc hỗ trợ chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin, đặc biệt là tài nguyên số.

- Trong quá trình kết nối-chia sẻ, khó khăn về việc “*đồng bộ về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin*” là hạn chế ảnh hưởng rất lớn đến mỗi thư viện, với 96.4% sự đồng thuận. Hạ tầng công nghệ thông tin tạo ra khoảng cách đối với các thư viện với mức đầu tư thấp, tạo ra sự mất cân bằng trong tổ chức cộng đồng chung, làm các thư viện này không thể theo kịp những thư viện được trang bị đầy đủ cơ sở để cùng kết nối-chia sẻ. Sự mất cân bằng (inequity), làm các thư viện với vốn đầu tư thấp lo ngại khi tham gia vào hoạt động kết nối-chia sẻ, vì họ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tối thiểu nếu muốn tham gia vào một hệ thống dùng chung trong một cộng đồng [Atkinson, 2019].

- Điều kiện thứ hai và ba trong các điều kiện tiên quyết đã được nêu trên, đó là chính sách và sự đồng thuận giữa các thư viện, được xem là một trong những rào cản cho việc kết nối-chia sẻ nếu không được thông qua. Có đến 92.8% đều đồng ý về “*rào cản chính sách truy cập giữa các thư viện*”, chính là những hạn chế lớn nhất cho việc liên kết-chia sẻ tài nguyên thông tin. Các thư viện luôn muốn duy trì tính đặc thù, sự riêng biệt và quan điểm cá nhân, nhưng lại muốn liên kết để tạo tính chung, sự tương tác và đồng thuận của tập thể. Điều đó vô tình tạo nên khó khăn trong việc liên kết mật thiết với nhau [Atkinson, 2019]. Những liên kết đang hiện diện, chỉ duy trì trên danh nghĩa, hoặc hình thức, không có tính cố kết và tương tác giữa các thư viện với nhau, tạo ra sự phân mảnh trong việc kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên hiệu quả nhất.

Trên đây là những yếu tố tác động trực tiếp đến việc hình thành một mô hình kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin giữa những thư viện đại học. Qua những điều kiện, lợi ích và hạn chế trên, những yếu tố góp phần tác động mạnh mẽ nhất đến việc xây dựng cộng đồng đó là chính sách và hành động của con người.

3. ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH LIÊN KẾT-CHIA SẺ

Kết nối và chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin không chỉ là khởi đầu cho việc xây dựng tính cộng đồng tại các thư viện, mà còn là một giải pháp hiệu quả trong việc giảm áp lực về chi phí bổ sung tài nguyên, cũng như mở rộng sự lựa chọn của người dùng tin tại cơ sở đào tạo [Hickman, 2017, được trích bởi Atkinson, 2019]. Cụ thể hơn, những nguồn tài nguyên thông tin được chia sẻ và kết nối nên bắt đầu từ các nguồn nội sinh của từng thư viện, là những nguồn tài nguyên đặc thù của từng thư viện phục vụ hiệu quả cho học tập, nghiên cứu và giảng dạy tại trường. Các thư viện trên thế giới đã tạo thành một mạng lưới chia sẻ rộng khắp các nguồn tài nguyên thông tin nội sinh, mỗi một mô hình lại đại diện cho một cách hiểu về sự kết nối-chia sẻ khác nhau, thể hiện qua cách đưa ra các mô hình tổ chức mang tính cộng đồng và cách quản trị thông tin phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.

Có một mô hình liên hiệp thư viện được thực hiện rất độc đáo, vừa mang tính thống nhất và tương tác giữa các nguồn tài nguyên thông tin, vừa mang tính đặc thù và riêng biệt của từng thư viện, đó là SCONUL Access. SCONUL Access (Society of College, National and University Libraries), là một tổ chức đại diện cho tất cả các thư viện đại học tại Vương quốc Anh và Ireland, để khuyến khích các thư viện “mở” nguồn tài nguyên thông tin. Đồng thời, tổ chức còn thúc đẩy sự đa dạng và linh hoạt trong truy cập nguồn tài nguyên thông tin và không gian vật lý tại các cơ sở đào tạo [Dolan, 2011]. SCONUL Access giúp sinh viên, giảng viên, nhà nghiên cứu có thể ra vào, sử dụng và khai thác các nguồn tài nguyên thông tin trực tiếp tại cơ sở đào tạo mà không vi phạm bản quyền, cũng như tổn hại đến hoạt động kinh doanh của nhà xuất bản. Ngoài ra, còn một mô hình liên kết chia sẻ tài nguyên thông tin rất đặc

biệt, đó là JISC. JISC (Joint Information Systems Committee), là một công ty dịch vụ và giải pháp hỗ trợ đối tượng HE (Higher Education) và FE (Further Education), cung cấp nguồn cơ sở dữ liệu và chia sẻ các tài nguyên thông tin (có chi phí thấp hoặc miễn phí). JISC được hỗ trợ truy cập từ JANET (Joint Academic Network-Mạng dữ liệu chuyên ngành dùng chung) nhằm cung cấp đường truyền mạnh, ổn định để khai thác dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu suốt đời (Lifelong learning).

Khác biệt với hai mô hình trên, OhioLink (The Ohio Library and Information Network) là mạng lưới kết nối các thư viện đại học và công cộng tại bang Ohio của Hoa Kỳ, cung cấp nguồn tài nguyên thông tin số giữa các thư viện đại học và công cộng thông qua một phần mềm liên hiệp Sierra, làm phong phú nguồn truy cập cho người dùng tin. OhioLink mang đến các nguồn tài nguyên thông tin có thể kể đến như: Tài nguyên thông tin nội sinh như ETD (Electronic Thesis and Dissertation center); Dữ liệu nghiên cứu (Research Data); Trung tâm tạp chí số (Electronic Journal Center)...OhioLink mang đến cho người dùng tin nhiều sự lựa chọn, cũng như phục vụ đúng những nhu cầu học tập và nghiên cứu đối với tất cả mọi người. Ngoài ra, còn có OH.Tech, OARnet, OSC là những nền tảng mạng và hỗ trợ truy cập đến các tài nguyên học tập, mang đến sự ổn định cho việc học tập và nghiên cứu suốt đời. Hoàn cảnh phát triển thư viện tại Việt Nam có một số đặc thù, đòi hỏi mô hình đặt ra phải cân bằng giữa lợi ích của cá nhân và cộng đồng. Cá nhân ở đây là mô hình đưa ra phải giữ được đặc trưng của thư viện, không gây ra tổn hại đối với lợi ích người dùng tin tại cơ sở đào tạo, không gây ra những vi phạm về lạm dụng nguồn tài nguyên của mỗi thư viện. Cộng đồng được hiểu theo ý nghĩa đối với xu thế học tập suốt đời của con người (lifelong learning), vừa thúc đẩy xã hội tri thức, vừa thỏa mãn nhu cầu tin về học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Vì thế, nhóm tác giả đề xuất hai loại mô hình thử nghiệm dựa trên mẫu hình (framework) của SCONUL và OhioLink, linh hoạt theo hoàn cảnh tại Việt Nam.

3.1. Mô hình “Individual-based Interaction” (IBI)

- Đặc điểm: Mô hình IBI (Tương tác dựa vào tính riêng biệt của chủ thể) dựa trên việc giữ nguyên nguyên tắc tính đặc thù của từng thư viện, không yêu cầu về việc thống nhất một nguyên tắc chia sẻ biểu ghi. Mô hình hướng tới việc xây dựng chung một dữ liệu người dùng chung, đảm bảo việc truy cập và sử dụng tài nguyên thông tin tại chỗ hoặc mượn về nhà. Khác với đối tượng ngoài thư viện, người dùng tin theo IBI sẽ được quyền sử dụng tất cả thư viện thành viên thuộc hệ thống, được quyền lưu hành tài liệu, và không phải đăng ký tại mỗi nơi, chỉ cần đăng ký thông tin tại thư viện thành

viên. Sau khi đến, người dùng tin chỉ cần lựa chọn nơi mình muốn sử dụng trước từ 2 ngày nếu có nhu cầu sử dụng. Mỗi thư viện sẽ có một chính sách riêng về các khai thác tài nguyên thông tin của thành viên. Tuy nhiên, mỗi thư viện phải đảm bảo những quyền lợi tối thiểu đã ký kết chung trong hội đồng (senator).

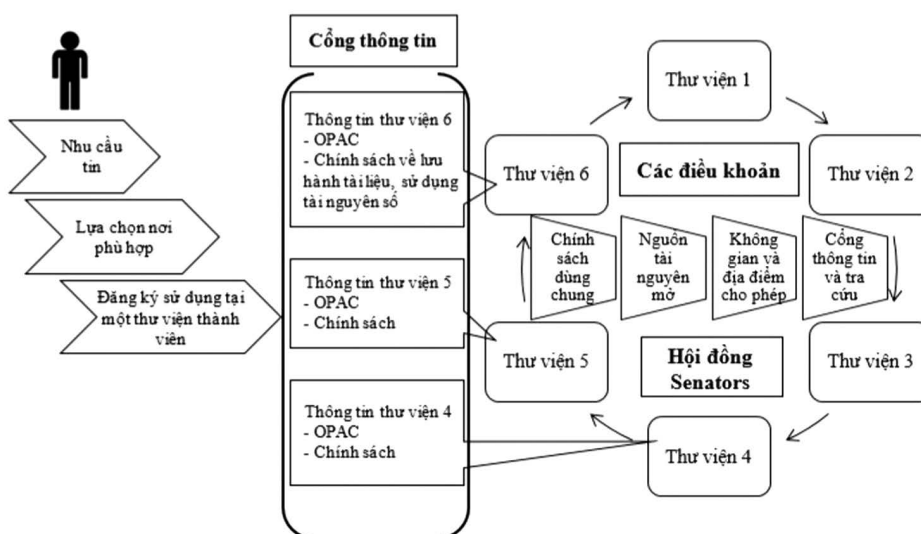
- Đối tượng được hỗ trợ: Người dùng tin trong cùng hệ thống.

- Các giai đoạn cần phát triển: (1) Thống nhất chính sách và điều khoản ký kết; (2) Xây dựng phần mềm và cổng thông tin, CSDL người dùng tin; (3) Tạo lập một mạng lưới từ 3 đến 6 thư viện thành viên, giới thiệu sử dụng; (4) Quá trình hoạt động và sửa chữa lỗi.



Hình 1. Cấu trúc chung của mô hình IBI

- Phần mềm và công nghệ sử dụng: Cổng thông tin tương tác cao, công nghệ nhận diện người dùng.



Hình 2. Ý tưởng hành động cơ bản của IBI

- Giới hạn:

(1) NDT không tiếp cận được cổng tra cứu tập trung, phải tìm kiếm trên mạng, hoặc qua dịch vụ tham khảo từ thư viện tại cơ sở đào tạo;

(2) Không chia sẻ dữ liệu số, và truy cập số dùng chung, hạn chế sự tiện lợi khi không đến không gian vật lý;

(3) Gây chênh lệch giữa các thư viện thành viên, nơi có không gian vật lý hiện đại

bằng các thư viện khác, và nơi ít được đầu tư về mặt tiện ích.

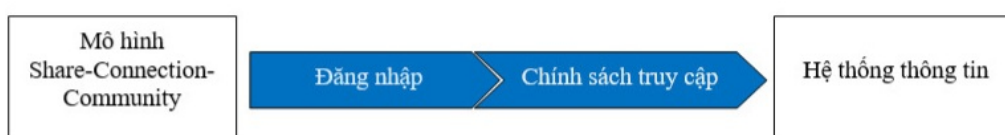
3.2. Mô hình “Share-Connection Community” (SCC)

- Đặc điểm: Mô hình “Share-Connection Community” (Cộng đồng-Chia sẻ - Kết nối) dựa trên mô hình Ohiolink. Mô hình SCC dựa trên chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin và biểu ghi làm trung tâm phát triển, vừa cung cấp một không gian mạng, vừa xây dựng một kho lưu trữ dùng chung cho các thành viên. Mô hình SCC tương tự như các mô hình chia sẻ thông thường. Khác biệt lớn nhất giữa SCC là xây dựng hạ tầng mạng thông tin, không chỉ phục vụ tài nguyên thông tin, mà hướng tới dịch vụ chung dựa trên nguồn nhân lực của thư viện thành

viên. Bên cạnh tài nguyên thông tin, SCC cung cấp nguồn dữ liệu nghiên cứu, công cụ phân tích dữ liệu, chuyên gia để thúc đẩy việc học tập và nghiên cứu suốt đời.

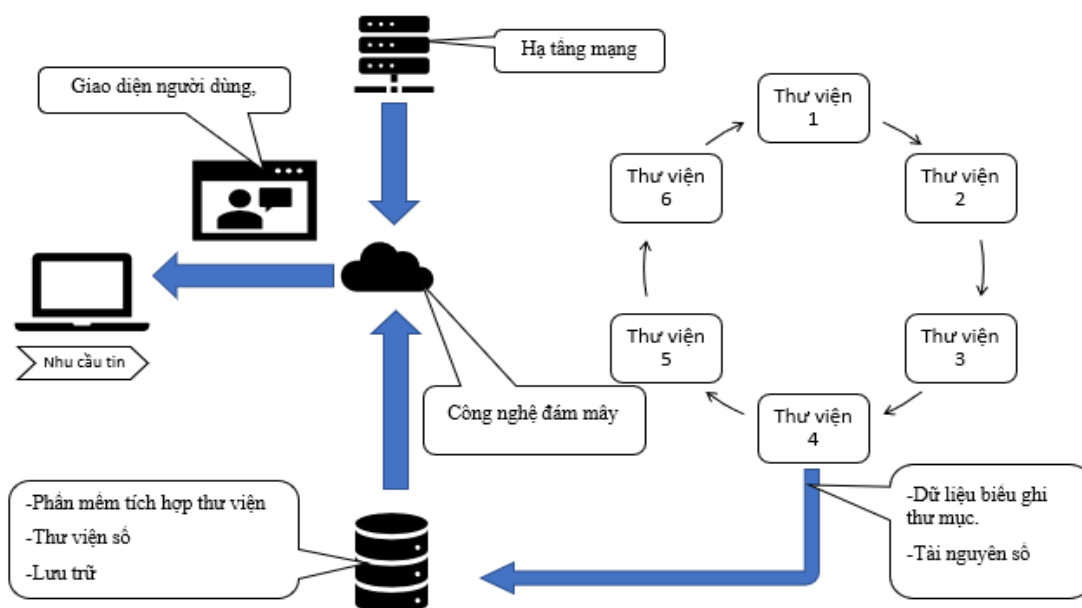
- Đối tượng: Người dùng tin trong hệ thống

- Các giai đoạn phát triển: (1) Điều khoản và chính sách hoạt động, thống nhất nguồn chính sách - quỹ dùng chung, chi phí duy trì; (2) Phần mềm tích hợp và phần mềm số, công nghệ lưu trữ đám mây, cổng thông tin truy cập; (3) Tiêu chuẩn biểu ghi, lựa chọn tài nguyên thông tin số cho việc chia sẻ; (4) Chuyển dữ liệu lên phần mềm; (5) Tập huấn sử dụng; (6) Đánh giá.



Hình 3. Cấu trúc chung của mô hình SCC

- Phần mềm và công nghệ sử dụng: Phần mềm thương mại hoặc mã nguồn mở; Máy chủ server và Cloud.



Hình 4. Ý tưởng hành động cơ bản của SCC

Giới hạn:

- (1) Chi phí đầu tư và duy trì rất cao;
- (2) Mất nhiều thời gian trong việc xây dựng chính sách, chia sẻ và tiêu chuẩn biên mục;
- (3) Ảnh hưởng đến lợi ích của mỗi thư viện về phục vụ tài nguyên thông tin;
- (4) Nguồn nhân sự cần được đào tạo lâu dài và tiếp nhận kiến thức mới;

Những mô hình trên chỉ là những mô hình được xây dựng dựa trên mô hình của các tổ chức lớn trên thế giới, kết hợp với hoàn cảnh thư viện tại Việt Nam. Vì thế, các mô hình chỉ thể hiện về mặt ý tưởng chưa được thực nghiệm. Nhóm tác giả mong muốn sẽ có thể áp dụng một trong những mô hình trên, để xem mức độ hiệu quả, cũng như thực nghiệm được những hạn chế của các mô hình đã trình bày.

KẾT LUẬN

Việc kết nối-chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển của nhân loại. Tính tương tác và tính cộng đồng mang đến ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng những kết nối giữa các thư viện. Không còn là những ý tưởng, mà chính các thư viện sẽ là đối tượng phát triển những thực nghiệm để đưa đến một lý thuyết mới, góp phần phát triển hoạt động thư viện. Kết hợp cùng sự biến chuyển nhanh chóng của công nghệ, sự hợp tác và phát triển vẫn luôn là xu thế tất yếu trong mọi thời đại, nhưng vẫn giữ được tính đặc thù của mỗi thư viện trong những dịch vụ, nguồn tài nguyên thông tin, và chất lượng quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arua, G. N. and Ukwuaba, H. O. (2016). "Effective information management in academic libraries in Nigeria," *Inf. Impact J. Inf. Knowl. Manag.*, vol. 7, no. 1, pp. 86-101.
2. Atkinson, J., (2019). Collaboration by academic libraries: What are the benefits, what are the constraints, and what do you need to do to be successful?, *New Review for Academic Librarianship*, vol. 25, No.1, tr. 1-7.
3. Đỗ, Văn Hùng (2016). "Quản trị thông tin và đào tạo chuyên gia thông tin trong thế kỷ 21," vol. 2.
4. Dolan, J., (2011). "From People Flow to Knowledge Flow", in *Libraries and society: Role, responsibility and future in an age of change*, Baker, D. & Evans, W. Ed., tr.35-51.
5. International Federation of Library Associations and Institutions (IFLA), 2019, IFLA Strategy 2019 - 2024, URL: <http://repository.ifla.org/handle/123456789/25>.
6. Leitão, Helena, Almeida, Patrícia de, and Simões, Maria da Graça. (2019). "Ethical Use of Information: The Contribution of the Academic Libraries in the Prevention of Plagiarism." (https://www.researchgate.net/publication/330145659_Ethical_use_of_information_the_contribution_of_the_academic_libraries_in_the_prevention_of_plagiarism).
7. Myška, M. & Šavelka, J. (2013). A Model Framework for publishing Grey Literature in Open Access, 4 JIPITEC.p.104-115.
8. Osayande, O. & Ukpebor, C. O. (2012). "Grey Literature Acquisition and Management: Challenges in Academic Libraries in Africa", *LibraryPhilosophy and Practice(e-journal)*, p.708. Retrieved From: <http://digitalcommons.unl.edu/libphilprac/708>.
9. Radon, Rosemary (1996). "What Information? What Dynamics, Information Dynamics." Cambridge, Eng. : Gower.
10. Sakariya, Kishor (2021). "Information management," 18:30:10 UTC. Accessed: Feb. 21. [Online]. Available: <https://www.slideshare.net/kishorsakariya/information-management-65247251>
11. Tripathi, A., & Lal, J. (2016). Library consortia: Practical guide for library managers.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-11-2022; Ngày phản biện đánh giá: 17-01-2023; Ngày chấp nhận đăng: 15-01-2023).